

Số: /HD-UBND

Sa Đéc, ngày tháng 02 năm 2023

HƯỚNG DẪN

VỀ VIỆC TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-UBND-HC ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí Chỉ số đánh giá cải cách hành chính (CCHC) đối với các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường. Để thống nhất trong thực hiện và chấm điểm, Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn về việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm, như sau:

1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)

- Căn cứ vào kết quả CCHC thực tế đạt được, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (Kèm theo các Phụ lục).

- Khi các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường phải do lãnh đạo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường phê duyệt và đính kèm trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC.

2. Về nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm vào phần mềm

Trên cơ sở báo cáo đã phê duyệt, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và các tài liệu kiểm chứng, nội dung giải trình vào phần mềm đánh giá Chỉ số CCHC (*Gọi tắt là phần mềm*) theo các bước sau:

- Bước 1: Đăng nhập phần mềm

Các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường đăng nhập vào phần mềm Quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC tại địa chỉ <https://cscchcsadec.dongthap.gov.vn/> theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố .

- Bước 2: Nhập dữ liệu kết quả

Các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm file tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP.

- Bước 3: Rà soát kết quả

Sau khi hoàn tất việc nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát lại, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng TC, TCTP.

- Bước 4: Gửi kết quả

Sau khi hoàn tất các bước trên, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm tới Ủy ban nhân dân Thành phố qua phần mềm bằng việc nhấp chuột vào mục “**Gửi đi**” được hiển thị trên phần mềm.

3. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của phòng chuyên môn và UBND các xã, phường phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng. Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2, các phòng chuyên môn và UBND các xã, phường có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (*Nếu có*) đủ độ tin cậy để chứng minh thêm kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của phòng chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, phường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Các tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải là văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định, đối với các văn bản không thể thực hiện theo văn bản điện tử thì phải là văn bản scan có chữ ký số của người có thẩm quyền.

4. Về thời gian thực hiện đánh giá

Thời gian gửi báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC và hoàn thành việc nhập liệu vào phần mềm tùy vào tình hình thực tế Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ có thông báo cụ thể hàng năm.

Trên đây là hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tự chấm điểm Chỉ số CCHC đối với các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thay thế cho Công văn số 2597/SNV-CCCQ ngày 04/11/2021 của Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- CT và các P.CT UBND TP;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND TP;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hon

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CCHC ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC UBND THÀNH PHỐ
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày /02/2023 của UBND Thành phố)

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC		
1	TC 1.1 - Kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC ban hành đúng quy định: + Xác định đầy đủ các nội dung CCHC theo quy định của Thành phố. + Kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. + Thời gian ban hành là chậm nhất ngày 15/01 của năm kế hoạch. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong Kế hoạch CCHC đã ban hành. Nếu tỷ lệ đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{100\%} \right]$ + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 điểm. Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $(85\% \times 2) / 100\% = 1,7$ điểm. - Nếu kế hoạch không đạt yêu cầu thì không tính đến mức độ thực hiện kế hoạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC năm; - Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC	<ul style="list-style-type: none"> Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo hướng dẫn của UBND Thành phố. - Báo cáo định kỳ về CCHC (gửi phòng Nội vụ), thời gian quy định: + Báo cáo quý I chậm nhất ngày 12/3; báo cáo 6 tháng đầu năm chậm nhất ngày 12/6; báo cáo quý III chậm nhất ngày 12/9; báo cáo năm chậm nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo định kỳ về CCHC được quy định; - Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật; - Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>ngày 12/12.</p> <p>+ Nếu tất cả báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 1,0 điểm; nếu có 01 báo cáo thực hiện không đúng quy định hoặc báo cáo trễ thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật; Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CC, VC; Báo cáo Chính quyền số và đảm bảo an toàn an ninh thông tin:</p> <p>+ Thực hiện đúng quy định về nội dung và thời gian gửi báo cáo thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</p> <p>+ Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu nội dung thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>cán bộ, CC, VC;</p> <p>- Báo cáo ứng dụng CNTT.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
3	TCTP 1.3.1 - Thực hiện kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị trực thuộc.	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC: xác định cụ thể nội dung cần kiểm tra; số cơ quan, đơn vị đề ra trong Kế hoạch tối thiểu 50% (trừ nhóm đơn vị sự nghiệp như: Bệnh viện, trường học,...).</p> <p>- Tính tỷ lệ số cơ quan, đơn vị được kiểm tra với tổng số cơ quan, đơn vị được đề ra trong Kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1,50 điểm.</p> <p>+ Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1,00 điểm.</p> <p>+ Dưới 80% kế hoạch đề ra thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Nếu kế hoạch kiểm tra CCHC của cơ quan không đề ra cụ thể số lượng phòng chuyên môn, đơn vị được kiểm tra thì không có tổng để xác định mức độ hoàn thành, điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC;</p> <p>- Các thông báo kết luận kiểm tra hoặc báo cáo kết quả kiểm tra.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p>	<p>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</p> <p>- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		$\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.00}{100\%} \right]$ <p>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 điểm. Ví dụ: Tỷ lệ % số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 80% thì điểm đánh giá là: $(80\% * 1) / 100\% = 0,8$ điểm.</p>	<p>phát hiện qua kiểm tra.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
5	TCTP 1.4.1 - Có thực hiện tuyên truyền CCHC	<p>- Hàng quý có ít nhất 01 tin, bài được duyệt và đăng tải trên Trang CCHC của Tỉnh thì được 0,5 điểm.</p> <p>- Hàng tháng có ít nhất 01 tin, bài, phóng sự được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Thành phố thì được 0,5 điểm.</p> <p>- Nếu hình thức tuyên truyền nào không đáp ứng yêu cầu trên thì điểm đánh giá của hình thức tuyên truyền đó là 0 điểm.</p>	<p>- Link tin, bài được đăng trên Trang thông tin điện tử của cơ quan có thể hiện thời gian đăng tải;</p> <p>- Bảng tổng hợp tin, bài được duyệt và đăng trên Trang CCHC của Thành phố (do Phòng Nội vụ Thành phố tổng hợp).</p>
6	TCTP 1.4.2 - Các hình thức tuyên truyền và phối hợp thực hiện tuyên truyền khác	<p>- Có thực hiện tuyên truyền về CCHC qua các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức Hội thi hoặc qua áp phích, video, tờ rơi,... thì được 0,5 điểm.</p> <p>- Có thực hiện phối hợp tuyên truyền thì được 0,5 điểm: + Khi có chuyên mục CCHC trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh Thành phố cần phối hợp với cơ quan thực hiện. + Tham gia Hội thi tìm hiểu CCHC hoặc các hình thức tuyên truyền CCHC khác của Thành phố, Tỉnh.</p>	<p>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
7	TCTP 1.5.1 - Số lượng sáng kiến/giải pháp mới trong công tác CCHC	<p>- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: + Được UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt chính thức thực hiện hoặc cho phép thí điểm.</p>	<p>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương. + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của Thành phố, của ngành. - Nếu có từ 01 sáng kiến\giải pháp được nhân rộng cho toàn Thành phố hoặc từ 02 sáng kiến\giải pháp mới cấp cơ sở trở lên thì điểm đánh giá là 1,5 điểm. - Nếu có 01 sáng kiến\giải pháp mới cấp cơ sở thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Không có sáng kiến\giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
8	TCTP 1.5.2 - Triển khai thực hiện hiệu quả các mô hình CCHC trong xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân được UBND Thành phố quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC với xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 - 2026 theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND-HC ngày 11/9/2021 của Chủ tịch UBND Tỉnh. - Thực hiện có hiệu quả các mô hình cải cách hành chính với xây dựng chính quyền thân thiện tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND-HC ngày 11/9/2021 Chủ tịch UBND Tỉnh (lồng ghép với Báo cáo CCHC định kỳ) thì điểm đánh giá: 0,25 điểm. <p><i>Nếu đã ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC với xây dựng chính quyền thân thiện theo QĐ số 1390/QĐ-UBND-HC, thì hằng năm lồng ghép các nội dung của Kế hoạch và Kế hoạch CCHC của cơ quan.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thực hiện các mô hình cải cách hành chính với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 – 2026. - Kế hoạch CCHC (sau khi đã ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC). - Báo cáo CCHC năm. - Các tài liệu kiểm chứng khác nếu có. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
9	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhiệm vụ được UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao được tính trên phần mềm giao việc do Văn phòng UBND Thành phố theo 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC; - Tài liệu kiểm chứng khác

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao	<p>dõi, báo cáo kết quả hàng quý, năm.</p> <p>- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao tính theo tỷ lệ %:</p> <p>Theo công thức: $(b/a)*1,5 + (c/a)*1,0$. Trong đó:</p> <p><i>a là tổng số nhiệm vụ được giao.</i></p> <p><i>b là số nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ.</i></p> <p><i>c là số nhiệm vụ hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i></p> <p>- Nếu có nhiệm vụ được giao không hoàn thành hoặc đến thời điểm báo cáo đã quá hạn từ 50% thời gian đã giao thì 0,00 điểm.</p>	<p>(nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).</p>
10	TC 1.7 – Đối thoại của lãnh đạo cơ quan với người dân, doanh nghiệp	<p>Đánh giá dựa trên kết quả thực hiện 03 nội dung, gồm: (1) Việc tổ chức các tiếp xúc, đối thoại trực tiếp hoặc trực tuyến giữa lãnh đạo cơ quan với người dân, doanh nghiệp; (2) Chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc tiếp xúc, đối thoại; (3) Mức độ xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp. Điểm đạt được của tiêu chí này là tổng điểm đạt được của việc thực hiện 03 nội dung nêu trên, cụ thể:</p> <p>- Nếu trong năm có triển khai và tổ chức từ tiếp xúc đối thoại thì đạt 0,5 điểm.</p> <p>- Nếu có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc tiếp xúc, đối thoại thì đạt 0,5 điểm.</p> <p>- Mức độ xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tính điểm theo công thức: $(Số\ kiến\ nghị,\ đề\ xuất\ đã\ giải\ quyết/tổng\ số\ kiến\ nghị,\ đề\ xuất\ phải\ xử\ lý)*0,5$</p>	<p>- Các tài liệu chứng minh về việc tổ chức các cuộc tiếp xúc, đối thoại; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất.</p> <p>- Các văn bản, chỉ đạo về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh kết quả giải quyết, xử lý kiến nghị, đề xuất;</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ		
11	TC 2.1 - Tiến độ xây dựng văn bản QPPL theo quy định	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản QPPL xây dựng đạt tiến độ với tổng số văn bản QPPL được cơ quan có thẩm quyền phân công soạn thảo. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- 100% văn bản đạt tiến độ do cơ quan có thẩm quyền phân công soạn thảo</p>	<p>- Văn bản phân công soạn thảo của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>- Các văn bản soạn thảo theo</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		thì điểm đánh giá là 2,00 điểm. - Đạt từ 80% - dưới 100% tiến độ do cơ quan có thẩm quyền phân công soạn thảo thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} \times 2,00) / 100$ - Dưới 80% văn bản thì điểm đánh giá là 0 điểm.	phân công. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tư pháp Thành phố (do phòng Tư pháp Thành phố thẩm định).
12	TC 2.2 - Tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản QPPL tham mưu ban hành đúng quy trình với tổng số văn bản QPPL đã tham mưu ban hành. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% văn bản QPPL tham mưu ban hành đúng quy trình đã quy định thì điểm đánh giá là 2,0 điểm. - Dưới 100% văn bản thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Các văn bản QPPL đã tham mưu ban hành; - Các văn bản liên quan đến quy trình tham mưu ban hành văn bản. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tư pháp Thành phố (do phòng Tư pháp Thành phố thẩm định).
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
13	TCTP 3.1.1 - Cập nhật, trình UBND Thành phố công bố TTHC thuộc thẩm quyền quản lý	- Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được ban hành trong năm; cụ thể: + Đạt 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đánh giá là 2,00 điểm. + Đạt từ 90% - dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đánh giá là 1,50 điểm. + Đạt từ 80% - dưới 90% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đánh giá là 1,00 điểm. + Dưới 80% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đánh giá là 0 điểm. - Trường hợp các TTHC do các bộ, ngành Trung ương công bố chậm, ảnh hưởng công tác tham mưu Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành quyết định công bố Danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đề nghị có giải trình cụ thể để Tổ thẩm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		định xem xét, ghi nhận.	
14	TCTP 3.1.2 - Công khai thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Công khai TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố đầy đủ, đúng quy định về số lượng tthc, lĩnh vực, mã số tthc, tên tthc, thời gian giải quyết tthc, trình tự, cách thức thực hiện,.. (bao gồm TTHC cấp huyện, cấp xã): 0,5 điểm. - Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Nếu hình thức công khai nào thực hiện không đầy đủ và không đúng quy định thì hình thức công khai đó điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; qua công kiểm tra KSTTHC. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
15	TCTP 3.1.3 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan	Có thực hiện công khai đầy đủ, kịp thời tiến độ và kết quả giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; qua công kiểm tra KSTTHC. - Đường link dẫn đến địa chỉ công khai tiến độ và kết quả giải quyết TTHC của cơ quan. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
16	TCTP 3.2.1 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	<p>Thông kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được thực hiện qua Trung tâm KSTTHC và Phục vụ HCC thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Nếu có TTHC không thực hiện theo cơ chế một cửa thì điểm đánh giá là 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		0 điểm.	
17	TCTP 3.2.2 - Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông ngang (liên thông cùng cấp)	<ul style="list-style-type: none"> - Có Quyết định TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC. - Nếu số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 6 TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Từ 2 đến 5 TTHC thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. + Dưới 2 TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. + Trường hợp không có TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện liên thông ngang thì có giải trình cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thực hiện TTHC liên thông đang thực hiện; - Danh mục TTHC liên thông ngang; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
18	TCTP 3.2.3 - Tỷ lệ TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông dọc (liên thông giữa các cấp chính quyền)	<ul style="list-style-type: none"> - Có Quyết định TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC. - Nếu số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 6 TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Từ 2 đến 5 TTHC thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. + Dưới 2 TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. + Trường hợp không có TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện liên thông dọc thì có giải trình cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thực hiện TTHC liên thông; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
19	TCTP 3.2.4 - Có phát sinh hồ sơ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	<ul style="list-style-type: none"> Thống kê số hồ sơ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông có phát sinh . - Nếu có từ 50 hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Có từ 10 - 49 hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Danh sách các hồ sơ đã giải quyết liên thông (mã hồ sơ,

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 10 hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu không có hồ sơ TTHC liên thông thì có giải trình cụ thể. 	<p>tên chủ hồ sơ, ngày nhận,..);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
20	TCTP 3.3.1 - Kết quả giải quyết TTHC	<p>Tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, trước hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị đã tiếp nhận trong năm.</p> <p>Được tính theo công thức: $(b/a)*5,00$</p> <p>Trong đó:</p> <p><i>a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm.</i></p> <p><i>b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng và trước hạn.</i></p> <p><i>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0.</i></p> <p><i>Những trường hợp hồ sơ bị trễ hạn do lỗi của phần mềm thì có giải thích cụ thể.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
21	TCTP 3.3.2 - Thực hiện thư xin lỗi theo đúng quy định	<p>Tính tỷ lệ % giữa số trường hợp đã thực hiện gửi thư xin lỗi trên tổng số trường hợp phải thực hiện gửi thư xin lỗi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện gửi thư xin lỗi cho 100% trường hợp và tất cả thư xin lỗi được thực hiện đúng biểu mẫu quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Thực hiện gửi thư xin lỗi không đầy đủ hoặc thực hiện thư xin lỗi không đúng biểu mẫu quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu thực tế không xảy ra trường hợp phải xin lỗi cá nhân, tổ chức thì cơ quan, đơn vị được điểm tối đa của TCTP này. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
22	TCTP 3.3.3 – Đánh giá chất lượng giải	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP, Thông tư 01/2018/TT-VPCP và các văn bản có liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả công khai trên Hệ thống đánh giá việc giải quyết TTHC của Thành phố.

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu từ 91% - 100% hồ sơ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 1,00 điểm. - Nếu từ 80% - 90% hồ sơ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0,50 điểm. - Nếu Từ 70% - 79% hồ sơ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0,25 điểm. - Nếu dưới 70% hồ sơ đạt điểm đánh giá tốt: 0 điểm. <p>Ngoài ra, nếu thực hiện việc đánh giá và công khai kết quả đánh giá không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định). - TLKC khác (nếu có).
23	TCTP 3.4.1 - Ban hành kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kế hoạch: Phải đúng quy định và theo hướng dẫn của Kế hoạch của UBND Thành phố, xác định rõ nội dung; kết quả đầu ra; từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Thời gian ban hành: Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày UBND Thành phố ban hành Kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC của Thành phố. + Nếu kế hoạch đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<p>Kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
24	TCTP 3.4.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành kế hoạch rà soát thủ tục hành chính, đảm bảo các nội dung trọng tâm và tỷ lệ được giao, ban hành đúng thời hạn thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Thời gian ban hành: Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố. - Mức độ thực hiện kế hoạch: + 100% kế hoạch và đạt tỷ lệ kiến nghị được giao thì điểm đánh giá là 1,5 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rà soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Báo cáo kết quả rà soát TTHC của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		+ Từ 90% - dưới 100% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao thì điểm đánh giá là 1 điểm. + Từ 80% - dưới 90% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm. + Không ban hành kế hoạch rà soát đánh giá TTHC, kế hoạch không đảm bảo các nội dung nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm cho cả TCTP này.	Thành phố thẩm định).
25	TCTP 3.4.3 - Thực hiện chế độ báo cáo về KSTTHC	Thực hiện đúng, đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng quý và năm theo quy định tại Công văn số 17/VPUBND-KSTTHC ngày 01/3/2021 của Văn phòng UBND Thành phố và thời hạn giao thực tế trên phần mềm báo cáo Chính phủ. - Nếu tất cả báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 1,5 điểm. - Có từ 03 báo cáo định kỳ thực hiện đúng và đầy đủ điểm đánh giá là 1. - Có 02 báo cáo định kỳ thực hiện đúng, đầy đủ điểm đánh giá là 0,50. - Có từ 3 báo cáo định kỳ thực hiện không đúng, không đầy đủ điểm đánh giá là 0.	Báo cáo kết quả định kỳ về thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
26	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 2$. Trong đó: a là tổng số kiến nghị phải trả lời. b là số kiến nghị đã được trả lời. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa. Trường hợp những PAKN chưa trả lời nhưng trong hạn, cơ quan cần có giải trình cụ thể.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
27	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ	- Nếu 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm - Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan, đơn vị; - Danh sách các văn bản xử

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	điểm đánh giá là 0 - Nếu TCTP 3.5.1 đạt 2 điểm thì TCTP này đạt điểm tối đa.	lý, trả lời PAKN (số văn bản, trích yếu, ngày ban hành) (định dạng file .pdf); - Văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH		
28	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc	Các cơ quan phải thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND Thành phố, bảo đảm đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Tổ chức bộ máy đảo bảo đúng quy định, phù hợp thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của cơ quan. - Nếu thực hiện đúng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Dưới 100% số phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Phòng Nội vụ Thành phố (do Phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
29	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	- Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định tại Nghị định 107/2020/NĐ-CP và các văn bản có liên quan. - Số lượng lãnh đạo của cơ quan đúng với quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; vượt số lượng lãnh đạo cơ quan theo quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Đối với các phòng và tương đương thuộc cơ quan: Nếu 100% số phòng thuộc cơ quan và tương đương có số lượng lãnh đạo	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>phù hợp với định mức biên chế được giao thì đạt điểm tối đa là 0.5 điểm. Trường hợp chưa đạt 100% thì tính điểm như sau: + Nếu đạt từ 80% - dưới 100% số phòng đáp ứng yêu cầu thì điểm đánh giá là 0,35 điểm. + Nếu đạt từ 60% - dưới 80% thì đạt 0,25 điểm; + Nếu đạt dưới 60% thì đạt 0 điểm.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định về số lượng lãnh đạo đơn vị thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập thì điểm đánh giá là 0.5 điểm.</p>	thẩm định).
30	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	<p>- Nếu số lượng biên chế hành chính của sở đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0,75 điểm.</p> <p>- Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
31	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan	<p>- Nếu tổng số người làm việc hiện có tại các đơn vị SNCL trực thuộc không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0,75 điểm.</p> <p>- Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Nếu cơ quan nào không có đơn vị SNCL trực thuộc thì khi tính Chỉ số CCHC, phòng Nội vụ Thành phố sẽ trừ điểm này ra không tính vào tổng của Chỉ số.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
32	TCTP 4.3.1 - Tham mưu thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý của	<p>Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của Trung ương, UBND Thành phố.</p> <p>- Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</p>	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	ngành, lĩnh vực do Trung ương, UBND Thành phố quy định	- Không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.	phân cấp quản lý nhà nước; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
33	TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ các vấn đề đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của UBND Thành phố theo lĩnh vực ngành quản lý. - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với cấp huyện, xã; - Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
34	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	- Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Nếu dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với cấp xã; - Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			thẩm định).
35	TCTp 4.4 - Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời các quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với cơ quan chuyên của UBND cấp huyện điểm đánh giá: 1,0 điểm. - Có triển khai đầy đủ, tuy nhiên không kịp thời điểm đánh giá là: 0,50 điểm. - Không triển khai: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm; - Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
35	TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Sở phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí. - Cơ quan nào chưa hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm thì coi như chưa thực hiện đúng quy định. + Có thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 1,5 điểm. + Không thực hiện đúng quy định hoặc không báo cáo, cập nhật vị trí việc làm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả thực hiện vị trí việc làm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
36	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tuyển dụng công chức tại các phòng chuyên môn và tương đương của cơ quan (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của cơ quan về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng công chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0,5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.	(do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
37	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị sự nghiệp thuộc sở	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL của cơ quan (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0,5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của cơ quan về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng viên chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
38	TCTP 5.2.3 - Thực hiện đúng quy định về thi, xét thăng hạng công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc thi, xét thăng hạng công chức, viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi, xét thăng hạng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi, xét thăng hạng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ thi, xét thăng hạng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Nếu kết quả của kỳ thi, xét thăng hạng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0,5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi, xét thăng hạng (hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của cơ quan về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi, xét thăng hạng). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
39	TC 5.3.1 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng sai quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu 100% số lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo cấp phòng của đơn vị trực thuộc, đơn vị SNCL được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng của đơn vị trực thuộc, đơn vị SNCL sai quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo tổng kê tình hình bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc, đơn vị SNCL trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
40	TCTP 5.4.1 - Báo cáo kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức đúng quy định	<p>Thực hiện đánh giá, phân loại và báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu thời gian đánh giá sau khi thực hiện chấm điểm chỉ số CCHC thì lấy kết quả của năm trước liền kề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
41	TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<p>Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu trong năm không có lãnh đạo cơ quan bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có lãnh đạo cơ quan bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu trong năm không có lãnh đạo phòng chuyên môn và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có lãnh đạo phòng chuyên môn và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
42	TC 5.5 - Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo hướng dẫn của phòng Nội vụ. Không xem xét mức độ hoàn thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và Báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo,

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	<p>kế hoạch đối với cơ quan không ban hành kế hoạch hoặc những kế hoạch không đúng hướng dẫn.</p> <p>- Tính tỷ lệ % nội dung và số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong kế hoạch của cơ quan, đơn vị và theo chỉ tiêu mà cơ quan có thẩm quyền phân bổ trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$.</p> <p>+ Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>bồi dưỡng công chức, viên chức trong năm của cơ quan, đơn vị;</p> <p>- Văn bản điều chỉnh Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (nếu có);</p> <p>- Các văn bản khác (nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
43	TC 6.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch.</p> <p>b là số tiền đã giải ngân</p> <p>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,70$ thì điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính- Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính- Kế hoạch.thẩm định).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
44	TC 6.2 - Thực hiện và báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại sở và	<p>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 1 điểm;</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của Thành phố;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	các đơn vị trực thuộc	- Không thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0 điểm.	của phòng Tài chính- Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính- Kế hoạch.thẩm định).
45	TC 6.3 - Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu trong năm có tiết kiệm được kinh phí, thực hiện tăng thu nhập cho công chức thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Không thực hiện tăng thu nhập thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính- Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính- Kế hoạch.thẩm định).
46	TC 6.4 - Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo đảm chi thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Có xây dựng lộ trình thực hiện giải pháp, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố: 0,5 điểm. - Không ban hành kế hoạch, xây dựng lộ trình thực hiện: 0 điểm. - Cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì khi tính Chỉ số CCHC, Sở Nội vụ sẽ trừ điểm này ra không tính vào tổng của Chỉ số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch xây dựng lộ trình thực hiện nhiệm vụ giải pháp theo KH số 89/KH-UBND; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính- Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính- Kế hoạch.thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
47	TTC 6.5 - Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	<p>Thực hiện đúng các quy định theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định đạt 0,5 điểm. - Có vi phạm vào các quy định trên thì 0 điểm. - Cơ quan không có đơn vị SNCL trực thuộc thì khi tính Chỉ số CCHC, Sở Nội vụ sẽ trừ điểm này ra không tính vào tổng của Chỉ số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện các quy định trên; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính- Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính- Kế hoạch.thẩm định).
VII XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
48	TCTP 7.1.1 - Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) của cơ quan được phát hành trong năm (gọi là VĂN BẢN ĐI). - Thống kê tổng số văn bản đi của các cơ quan được gửi dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là VĂN BẢN ĐIỆN TỬ). - Tính tỷ lệ % giữa tổng số VĂN BẢN ĐIỆN TỬ so với tổng số VĂN BẢN ĐI. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 100% số văn bản trở lên thì điểm đánh giá là 1,5 điểm; + Từ 90% - dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và đảm bảo an toàn an ninh thông tin; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
49	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện đúng theo quy trình xử lý văn bản điện tử. - Thống kê số văn bản đến được xử lý đúng quy trình trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật) trong năm. - Thống kê số văn bản đi được xử lý trên luồng văn bản đến đúng theo quy 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>trình trên môi trường điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính tỷ lệ % giữa văn bản đến với văn bản đi được xử lý trên luồng theo quy trình nội bộ của cơ quan, đơn vị trên môi trường điện tử (cụ thể như sau: Văn bản đến, khởi tạo dự thảo văn bản đi, trình dự thảo văn bản đi, ký duyệt văn bản đi, ban hành văn bản đi). Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Trên 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng điểm đánh giá là 1,5 điểm. + Từ 60% - 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ hồ sơ công việc} * 1,5) / 100$. + Dưới 60% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<p>tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).</p>
50	TCTP 7.1.3 - Thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu có tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Nếu chưa tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
51	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm mã độc tập trung	<p>Điểm được tính theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là số lượng bản quyền mã độc được giao. - b là số lượng máy tính đã cài đặt bản quyền phần mềm mã độc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			thẩm định).
52	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đủ điều kiện lên DVC trực tuyến toàn trình. - Thống kê số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. <p>Tỷ lệ TTHC thực hiện DVC trực tuyến toàn trình, tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu 100% số TTHC được thực hiện DVC trực tuyến toàn trình so với số TTHC đủ điều kiện lên DVC trực tuyến toàn trình thì điểm đánh giá là 1,0. + Nếu từ 90% - dưới 100% số TTHC được thực hiện DVC trực tuyến toàn trình so với số TTHC đủ điều kiện lên DVC trực tuyến toàn trình thì điểm đánh giá theo công thức $(\text{Tỷ lệ} * 1) / 100$. + Nếu dưới 90% số TTHC được thực hiện DVC trực tuyến toàn trình so với số TTHC đủ điều kiện lên DVC trực tuyến toàn trình thì điểm đánh giá 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
53	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ TTHC có phát sinh DVC trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đang cung cấp trực DVC trực tuyến toàn trình. - Thống kê số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến mức toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến với số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 90% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá là 1,5 điểm. + Từ 80% - dưới 90% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá theo công thức $(\text{Tỷ lệ} * 1,5) / 100$. + Dưới 80% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá là 0 điểm. <p>- Ví dụ: Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> + Trong năm 2021 có 10 TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. + Trong 10 TTHC có 8 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình. + Tỷ lệ % số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến là: $(8/10)*100\% = 80\%$. + Như vậy, điểm đánh giá là $(80*1,5)/100 = 1,2$ điểm. 	
54	TCTP 7.2.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến, trực tiếp và buro chính công ích) của TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. - Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình của TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và các hình thức khác). Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2,0 điểm; + Từ 20% - dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} * 2) / 100$ + Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Ví dụ: Sở Thông tin và Truyền thông + Trong năm, có 10 TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, đã tiếp nhận và xử lý 100 hồ sơ (bao gồm trực tuyến, trực tiếp và các hình thức khác) + Trong 100 hồ sơ này có 20 hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý bằng hình thức trực tuyến toàn trình. + Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến là: $(20/100)*100\% = 20\%$. + Như vậy, tỷ lệ này đạt ở khoảng từ 20% - dưới 50% nên điểm đánh giá được tính theo công thức $(20\% * 2) / 100\% = 0,4$ điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
55	TCTP 7.2.4.1 – Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực, điểm được đánh giá như sau: + Đạt tỷ lệ số hóa được giao: 1,0 điểm + Không đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0 điểm. - Đối với năm 2022, tính điểm theo công thức: + Tỷ lệ số hóa đã hoàn thành*1. + Không thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của cơ quan và kết quả theo dõi của Văn phòng UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có).
56	TCTP 7.2.4.2 - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC: - Đạt tỷ lệ số hóa được giao: 1,0 điểm - Không đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0 điểm - Đối với năm 2022, tính điểm theo công thức: + Tỷ lệ số hóa đã hoàn thành*1. + Không thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của cơ quan và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có).
57	TCTP 7.2.4.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC có đính kèm kết quả giải quyết TTHC điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ hồ sơ TTHC có đính kèm kết quả giải quyết TTHC điện tử - Đạt tỷ lệ số hóa được giao: 1,0 điểm - Không đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0 điểm - Đối với năm 2022, tính điểm theo công thức: + Tỷ lệ số hóa đã hoàn thành*1. + Không thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của cơ quan và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có).
58	TCTP 7.2.5.1 – Tỷ lệ TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính. - Thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến. Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó: 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p><i>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính</i></p> <p><i>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i></p>	<p>tin Thành phố</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
59	TCTP 7.2.5.2 - Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	<p>- Thống kê số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến.</p> <p>- Thống kê số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</p> <p>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó:</p> <p><i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i></p> <p><i>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i></p>	<p>- Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố.</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
60	TCTP 7.2.5.3 – Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	<p>- Thống kê tổng số hồ sơ đã giải quyết có thanh toán phí, lệ phí của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ thanh toán (bao gồm các hồ sơ thanh toán trực tuyến, trực tiếp và các hình thức khác) đang triển khai thanh toán trực tuyến.</p> <p>- Thống kê số hồ sơ đã giải quyết có thanh toán trực tuyến phí, lệ phí của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ thanh toán.</p> <p>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó:</p> <p><i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết các TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i></p> <p><i>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i></p>	<p>- Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>

Phụ lục II
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CCHC ĐỐI VỚI XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /02/2022 của UBND Thành phố)

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC		
1	TC 1.1 - Kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC ban hành đúng quy định: + Xác định đầy đủ các nội dung CCHC theo quy định của Thành phố. + Kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. + Thời gian ban hành là chậm nhất ngày 15/01 của năm kế hoạch. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong Kế hoạch CCHC đã ban hành. Nếu tỷ lệ đạt: + Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{100\%} \right]$ + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 điểm. Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $(85\% \times 2) / 100\% = 1,7$ điểm. - Nếu kế hoạch không đạt yêu cầu thì không tính đến mức độ thực hiện kế hoạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC năm; - Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC	<ul style="list-style-type: none"> Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo hướng dẫn của UBND Thành phố. - Báo cáo định kỳ về CCHC (gửi phòng Nội vụ), thời gian quy định: + Báo cáo quý I chậm nhất ngày 12/3; báo cáo 6 tháng đầu năm chậm nhất ngày 12/6; báo cáo quý III chậm nhất ngày 12/9; báo cáo năm chậm nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo định kỳ về CCHC được quy định; - Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật; - Báo cáo rà soát văn bản

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>ngày 12/12.</p> <p>+ Nếu tất cả báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 1,0 điểm; nếu có 01 báo cáo thực hiện không đúng quy định hoặc báo cáo trễ thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật; Báo cáo rà soát văn bản QPPL; Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CC, VC; Báo cáo Chính quyền số và đảm bảo an toàn an ninh thông tin:</p> <p>+ Thực hiện đúng quy định về nội dung và thời gian gửi báo cáo thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</p> <p>+ Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu nội dung thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>QPPL;</p> <p>- Báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CC, VC;</p> <p>- Báo cáo ứng dụng CNTT.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
3	TCTP 1.3.1 - Thực hiện kiểm tra cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị hành chính cấp xã trong năm.	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC: xác định cụ thể nội dung cần kiểm tra; số cơ quan, đơn vị, địa phương đề ra trong Kế hoạch tối thiểu 50% (trừ nhóm đơn vị sự nghiệp như: Bệnh viện, trường học,...).</p> <p>- Tính tỷ lệ số cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra với tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương được đề ra trong Kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1,50 điểm.</p> <p>+ Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1,00 điểm.</p> <p>+ Dưới 80% kế hoạch đề ra thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>- Nếu kế hoạch kiểm tra CCHC của địa phương không đề ra cụ thể số lượng phòng chuyên môn, đơn vị, địa phương được kiểm tra thì không có tổng đề xác định mức độ hoàn thành, điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra CCHC;</p> <p>- Các thông báo kết luận kiểm tra hoặc báo cáo kết quả kiểm tra.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p>	<p>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</p> <p>- Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		$\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.00}{100\%} \right]$ <p>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 điểm. Ví dụ: Tỷ lệ % số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 80% thì điểm đánh giá là: $(80\% * 1) / 100\% = 0,8$ điểm.</p>	<p>kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
5	TCTP 1.4.1 - Có thực hiện tuyên truyền CCHC	<p>- Hàng quý có ít nhất 01 tin, bài được duyệt và đăng tải trên Trang CCHC của Thành phố thì được 0,5 điểm.</p> <p>- Hàng tháng có ít nhất 01 tin, bài, phóng sự được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thì được 0,5 điểm.</p> <p>- Nếu hình thức tuyên truyền nào không đáp ứng yêu cầu trên thì điểm đánh giá của hình thức tuyên truyền đó là 0 điểm.</p>	<p>- Link tin, bài được đăng trên Trang thông tin điện tử của cơ quan có thể hiện thời gian đăng tải;</p> <p>- Bảng tổng hợp tin, bài được duyệt và đăng trên Trang CCHC của Thành phố (do phòng Nội vụ tổng hợp).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
6	TCTP 1.4.2 - Các hình thức tuyên truyền và phối hợp thực hiện tuyên truyền khác	<p>- Có thực hiện tuyên truyền về CCHC qua các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức Hội thi hoặc qua áp phích, video, tờ rơi,... thì được 0,5 điểm.</p> <p>- Có thực hiện phối hợp tuyên truyền thì được 0,5 điểm:</p> <p>+ Khi có chuyên mục CCHC trên Đài phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp hoặc chuyên trang trên Báo Đồng Tháp cần phối hợp với cơ quan thực hiện.</p> <p>+ Tham gia Hội thi tìm hiểu CCHC hoặc các hình thức tuyên truyền CCHC khác của Thành phố.</p> <p>- Nếu hình thức tuyên truyền nào không đáp ứng yêu cầu trên thì điểm</p>	<p>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		đánh giá của hình thức tuyên truyền đó là 0 điểm.	
7	TCTP 1.5.1 – Số lượng sáng kiến/giải pháp mới trong công tác CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: + Được UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt chính thức thực hiện hoặc cho phép thí điểm. + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn Thành phố. + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của Thành phố, của địa phương. - Nếu có từ 01 sáng kiến\giải pháp được nhân rộng cho toàn Thành phố hoặc từ 02 sáng kiến\giải pháp mới cấp cơ sở trở lên thì điểm đánh giá là 1,5 điểm. - Nếu có 01 sáng kiến\giải pháp mới cấp cơ sở thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Không có sáng kiến\giải pháp mới thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
8	TCTP 1.5.2 - Triển khai thực hiện hiệu quả các mô hình CCHC trong xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân được UBND Thành phố quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC với xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 - 2026 theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND-HC ngày 11/9/2021 của Chủ tịch UBND Tỉnh và thực hiện báo cáo lồng ghép với Báo cáo CCHC định kỳ: 0,25 điểm. - Thực hiện có hiệu quả các mô hình cải cách hành chính với xây dựng chính quyền thân thiện tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND-HC ngày 11/9/2021 Chủ tịch UBND Tỉnh thì điểm đánh giá: 0,25 điểm. <p><i>Nếu đã ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC với xây dựng chính quyền thân thiện theo QĐ số 1390/QĐ-UBND-HC, thì hằng năm lồng ghép các nội dung của Kế hoạch và Kế hoạch CCHC của cơ quan.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thực hiện các mô hình cải cách hành chính với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021 – 2026. - Kế hoạch CCHC (sau khi đã ban hành Kế hoạch thực hiện các mô hình CCHC). - Báo cáo CCHC năm. - Các tài liệu kiểm chứng khác nếu có. - Kết quả theo dõi, kiểm tra

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
9	TC 1.6 - Thực hiện các nhiệm vụ được UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao	<p>- Các nhiệm vụ được UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao được tính trên phần mềm giao việc do Văn phòng UBND Thành phố theo dõi, báo cáo kết quả hàng quý, năm.</p> <p>- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao tính theo tỷ lệ %:</p> <p>Theo công thức: $(b/a)*1,5 + (c/a)*1,0$. Trong đó:</p> <p><i>a là tổng số nhiệm vụ được giao.</i></p> <p><i>b là số nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ.</i></p> <p><i>c là số nhiệm vụ hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i></p> <p>- Nếu có nhiệm vụ được giao không hoàn thành hoặc đến thời điểm báo cáo đã quá hạn từ 50% thời gian đã giao thì 0.00 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).</p>
10	TC 1.7 – Đối thoại của lãnh đạo cơ quan với người dân, doanh nghiệp	<p>Đánh giá dựa trên kết quả thực hiện 03 nội dung, gồm: (1) Việc tổ chức các tiếp xúc, đối thoại trực tiếp hoặc trực tuyến giữa lãnh đạo địa phương với người dân, doanh nghiệp; (2) Chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc tiếp xúc, đối thoại; (3) Mức độ xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp. Điểm đạt được của tiêu chí này là tổng điểm đạt được của việc thực hiện 03 nội dung nêu trên, cụ thể:</p> <p>- Nếu trong năm có triển khai và tổ chức từ tiếp xúc đối thoại thì đạt 0,5 điểm.</p> <p>- Nếu có ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc tiếp xúc, đối thoại thì đạt 0,5 điểm.</p> <p>- Mức độ xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tính điểm theo công thức: $(Số\ kiến\ nghị,\ đề\ xuất\ đã\ giải\ quyết / tổng\ số\ kiến\ nghị,\ đề\ xuất\ phải\ xử\ lý) * 0,5$</p>	<p>- Các tài liệu chứng minh về việc tổ chức các cuộc tiếp xúc, đối thoại; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất.</p> <p>- Các văn bản, chỉ đạo về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất;</p> <p>- Các tài liệu chứng minh kết quả giải quyết, xử lý kiến nghị, đề xuất;</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
II CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
11	TC 2.1 - Tiến độ xây dựng văn bản QPPL theo quy định	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản QPPL xây dựng đạt tiến độ với tổng số văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% văn bản đạt tiến độ so với tổng số văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành thì điểm đánh giá là 1,5 điểm. - Đạt từ 80% - dưới 100% văn bản đạt tiến độ so với tổng số văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} \times 1,5) / 100$ - Dưới 80% văn bản thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương; - Công tác theo dõi, kiểm tra của phòng Tư pháp. - TLKC khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tư pháp Thành phố (do phòng Tư pháp Thành phố thẩm định).
12	TC 2.2 - Tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản QPPL ban hành đúng quy trình với tổng số văn bản QPPL đã ban hành. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% văn bản QPPL ban hành đúng quy trình thì điểm đánh giá là 2,0 điểm. - Dưới 100% văn bản thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản QPPL đã ban hành; - Các văn bản liên quan đến quy trình ban hành văn bản. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tư pháp Thành phố (do phòng Tư pháp Thành phố thẩm định).
III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
13	TC 3.1 – Cập nhật, công khai TTHC và công khai tiến độ, kết quả giải quyết TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật kịp thời và công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Cập nhật kịp thời và công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả cấp xã thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Cập nhật kịp thời và công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của huyện thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Có thực hiện công khai đầy đủ, kịp thời tiến độ và kết quả giải quyết TTHC trên Trang thông tin điện tử của huyện thì điểm đánh giá là 0,5 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương; qua công kiểm tra KSTTHC. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng UBND Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hình thức công khai nào thực hiện không đầy đủ và không đúng quy định thì hình thức công khai đó điểm đánh giá là 0 điểm. 	
14	TCTP 3.2.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	<p>Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp xã điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Nếu có TTHC không thực hiện theo cơ chế một cửa của cấp nào thì điểm đánh giá của cấp đó là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
15	TCTP 3.2.2 – Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Có Quyết định TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC. - Nếu số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 60 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1,5 điểm. + Từ 50 đến 59 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0,75 điểm. + Từ 40 đến 49 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Từ 30 đến 39 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. + Dưới 30 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. + Trường hợp không có TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện liên thông ngang thì có giải trình cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thực hiện TTHC liên thông; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
16	TCTP 3.2.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải	<ul style="list-style-type: none"> - Có Quyết định TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. Trong đó, nêu rõ địa phương chủ trì, đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thực hiện TTHC liên thông; - Kết quả theo dõi, kiểm tra

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	<p>với từng TTHC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau đạt: + Từ 40 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. + Từ 30 đến 39 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0,75 điểm. + Từ 20 đến 29 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Từ 10 đến 19 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0,25 điểm. + Dưới 10 TTHC hoặc nhóm TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. + Trường hợp không có TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện liên thông dọc thì có giải trình cụ thể. 	của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
17	TCTP 3.2.4 - Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	<p>Yêu cầu: Thực hiện theo danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Công văn chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đạt từ 85% số TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Nếu đạt từ 70% - dưới 85% số TTHC: 0,5 điểm. - Nếu dưới 70% số TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
18	TCTP 3.3.1 – Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<p>Tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC do các phòng chuyên môn tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, trước hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do các phòng chuyên môn đã tiếp nhận trong năm.</p> <p>Được tính theo công thức: $(b/a) \cdot 3,00$</p> <p>Trong đó:</p> <p><i>a</i> là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm.</p> <p><i>b</i> là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng và trước hạn.</p> <p>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Những trường hợp hồ sơ bị trễ hạn do lỗi của phần mềm thì có giải thích</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<i>cụ thể.</i>	
19	TCTP 3.3.2 – Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<p>Tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC do các địa phương tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, trước hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do các địa phương đã tiếp nhận trong năm.</p> <p>Được tính theo công thức: $(b/a)*2,00$</p> <p>Trong đó:</p> <p><i>a</i> là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm.</p> <p><i>b</i> là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng và trước hạn.</p> <p>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Những trường hợp hồ sơ bị trễ hạn do lỗi của phần mềm thì có giải thích cụ thể.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).</p>
20	TCTP 3.3.3 - Thực hiện thư xin lỗi theo đúng quy định	<p>Tính tỷ lệ % giữa số trường hợp đã thực hiện gửi thư xin lỗi trên tổng số trường hợp phải thực hiện gửi thư xin lỗi.</p> <p>- Nếu cấp huyện thực hiện gửi thư xin lỗi cho 100% trường hợp và tất cả thư xin lỗi được thực hiện đúng biểu mẫu quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</p> <p>- Nếu cấp xã thực hiện gửi thư xin lỗi cho 100% trường hợp và tất cả thư xin lỗi được thực hiện đúng biểu mẫu quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</p> <p>- Nếu đơn vị hành chính cấp nào thực hiện gửi thư xin lỗi không đầy đủ hoặc thực hiện thư xin lỗi không đúng biểu mẫu quy định thì điểm đánh giá của cấp đó là 0 điểm.</p> <p>- Nếu thực tế không xảy ra trường hợp phải xin lỗi cá nhân, tổ chức thì cơ quan, đơn vị được điểm tối đa của TCTP này.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).</p>
21	TCTP 3.3.4 – Đánh giá chất lượng giải	<p>- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP, Thông tư 01/2018/TT-VPCP và các văn bản có liên quan.</p>	<p>- Kết quả công khai trên Hệ thống đánh giá việc giải quyết</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu từ 80% - 100% hồ sơ CQCM cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0,5 điểm. - Nếu từ 80% - 100% hồ sơ UBND cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0,50 điểm. - Nếu cấp nào dưới 80% hồ sơ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá của cấp đó: 0 điểm. <p>Ngoài ra, nếu thực hiện việc đánh giá và công khai kết quả đánh giá không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>TTHC của Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định). - TLKC khác (nếu có).
22	TCTP 3.4.1 - Ban hành kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung kế hoạch: Phải đúng quy định và theo hướng dẫn của Kế hoạch của UBND Thành phố, xác định rõ nội dung; kết quả đầu ra; từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Thời gian ban hành: Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày UBND Thành phố ban hành Kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC của Thành phố. + Nếu kế hoạch đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hoạt động và truyền thông về kiểm soát TTHC của địa phương. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
23	TCTP 3.4.2 – Thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá, kiến nghị đơn giản hóa TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành kế hoạch rà soát thủ tục hành chính, đảm bảo các nội dung trọng tâm và tỷ lệ được giao, ban hành đúng thời hạn thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Thời gian ban hành: Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày UBND Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố. - Mức độ thực hiện kế hoạch: + 100% kế hoạch và đạt tỷ lệ kiến nghị được giao thì điểm đánh giá là 1,0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rà soát TTHC của địa phương; - Báo cáo kết quả rà soát TTHC của địa phương theo đúng quy định. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>điểm.</p> <p>+ Từ 90% - dưới 100% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao thì điểm đánh giá là 0,75 điểm.</p> <p>+ Từ 80% - dưới 90% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao thì điểm đánh giá là 0,5 điểm.</p> <p>+ Dưới 80% kế hoạch và tỷ lệ kiến nghị được giao điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p>+ Không ban hành kế hoạch rà soát đánh giá TTHC, kế hoạch không đảm bảo các nội dung nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm cho cả TCTP này.</p>	phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
24	TCTP 3.4.3 - Thực hiện chế độ báo cáo về KSTTHC	<p>Thực hiện đúng, đầy đủ các báo cáo định kỳ hàng quý và năm theo quy định tại Công văn số 17/VPUBND-KSTTHC ngày 01/3/2021 của Văn phòng UBND Tỉnh và thời hạn giao thực tế trên phần mềm báo cáo Chính phủ.</p> <p>- Nếu tất cả báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 1,5 điểm.</p> <p>- Có 03 báo cáo định kỳ thực hiện đúng và đầy đủ điểm đánh giá là 1.</p> <p>- Có 02 báo cáo định kỳ thực hiện đúng, đầy đủ điểm đánh giá là 0,50.</p> <p>- Có từ 3 báo cáo định kỳ thực hiện không đúng, không đầy đủ điểm đánh giá là 0</p>	<p>- Báo cáo kết quả định kỳ về thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại địa phương.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).</p>
25	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 2$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số kiến nghị phải trả lời.</p> <p>b là số kiến nghị đã được trả lời.</p> <p>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</p> <p>Trường hợp những PAKN chưa trả lời nhưng trong hạn, cơ quan cần có giải trình cụ thể.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
26	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm - Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0 - Nếu TCTP 3.5.1 đạt 2 điểm thì TCTP này đạt điểm tối đa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương; - Danh sách các văn bản xử lý, trả lời PAKN (số văn bản, trích yếu, ngày ban hành) (định dạng file .pdf); - Văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH		
27	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc	<p>Các UBND cấp huyện phải thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị trực thuộc (nếu có), bảo đảm đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Tổ chức bộ máy đảm bảo đúng quy định, phù hợp thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đúng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Dưới 100% số phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
28	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo các quy định tại Nghị định 108/2020/NĐ-CP và các văn bản có liên quan. - Số lượng lãnh đạo của UBND xã, phường đúng với quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; vượt số lượng lãnh đạo cơ quan theo quy định thì 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về số lượng lãnh đạo UBND xã, phường, số lượng cấp phó của các

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	chính	<p>điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các phòng và tương đương thuộc UBND xã, phường: - Nếu 100% số phòng thuộc UBND xã, phường có số lượng lãnh đạo phù hợp với định mức biên chế được giao thì đạt điểm tối đa là 0,5 điểm. - Nếu thực hiện đúng quy định về số lượng lãnh đạo đơn vị thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập thì điểm đánh giá là 0.5 điểm. 	<p>phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
29	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu số lượng biên chế hành chính của UBND huyện/thành phố đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
30	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã, phường	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu tổng số người làm việc hiện có tại các đơn vị SNCL trực thuộc không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
31	TCTP 4.3.1 - Tham mưu thực hiện đầy đủ các quy định về phân	<p>Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định của UBND Tỉnh, UBND Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	cấp quản lý của ngành, lĩnh vực do Trung ương, UBND Thành phố quy định	- Không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.	phân cấp quản lý nhà nước; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
32	TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ các vấn đề đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của UBND Thành phố theo lĩnh vực ngành quản lý. - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với cấp xã; - Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
33	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	- Nếu 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Nếu dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với cấp huyện, xã; - Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện; - Kết quả theo dõi, kiểm tra

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
34	TC 5.1 - Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã, phường phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí. - Địa phương nào chưa hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm thì coi như chưa thực hiện đúng quy định. + Có thực hiện đúng quy định điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Không thực hiện đúng quy định hoặc không báo cáo, cập nhật vị trí việc làm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả thực hiện vị trí việc làm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
35	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tuyển dụng công chức tại các phòng chuyên môn và tương đương của địa phương (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0,5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của cơ quan về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng công chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
36	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức tại các ĐVSNCL của cơ quan (bao gồm cả thi tuyển, xét tuyển và tiếp nhận) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0,5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của cơ quan về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng viên chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
37	TCTP 5.2.3 - Thực hiện đúng quy định về thi, xét thăng hạng công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc thi, xét thăng hạng công chức, viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi, xét thăng hạng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi, xét thăng hạng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ thi, xét thăng hạng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Nếu kết quả của kỳ thi, xét thăng hạng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0,5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi, xét thăng hạng (hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của cơ quan về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi, xét thăng hạng. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
38	TC 5.3.1 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc huyện được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có bổ nhiệm lãnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê tình hình bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng và

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	huyện	đạo cấp phòng sai quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu 100% số lãnh đạo cấp xã, lãnh đạo đơn vị SNCL được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có bổ nhiệm lãnh đạo cấp xã, đơn vị SNCL sai quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm.	tương đương, lãnh đạo xã, đơn vị SNCL trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
39	TCTP 5.4.1 - Báo cáo kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức đúng quy định	Thực hiện đánh giá, phân loại và báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Sở Nội vụ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu thời gian đánh giá sau khi thực hiện chấm điểm chỉ số CCHC thì lấy kết quả của năm trước liền kề.	- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của địa phương. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
40	TCTP 5.4.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức. - Nếu trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Nếu trong năm không có lãnh đạo phòng chuyên môn và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; nếu có lãnh đạo phòng chuyên môn và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
41	TC 5.5 - Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	- Xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nội dung, biểu mẫu theo hướng dẫn của phòng Nội vụ. Không xem xét mức độ hoàn thành kế hoạch đối với các địa phương không ban hành kế hoạch hoặc những kế hoạch không đúng hướng dẫn. - Tính tỷ lệ % nội dung và số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử	- Kế hoạch và Báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong năm của địa phương;

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong kế hoạch của cơ quan, đơn vị và theo chỉ tiêu mà cơ quan có thẩm quyền phân bổ trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$. + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 điểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản điều chỉnh Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (nếu có); - Các văn bản khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
42	TCTP 5.6.1 – Tỷ lệ cán bộ cấp xã đạt chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số lượng cán bộ cấp xã của huyện/thành phố. - Thống kê số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định. - Tính tỷ lệ % số lượng cán bộ cấp xã đạt chuẩn với tổng số lượng cán bộ cấp xã của huyện nếu đạt: + 100% cán bộ đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Dưới 100% cán bộ đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê số lượng cán bộ đạt chuẩn của xã, phường; - Các văn bản khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
43	TCTP 5.6.2 - Tỷ lệ công chức đạt chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số lượng công chức cấp xã của huyện/thành phố. - Thống kê số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định. - Tính tỷ lệ % số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn với tổng số lượng công chức cấp xã của huyện nếu đạt: + 100% công chức đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. + Dưới 100% công chức đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê số lượng công chức đạt chuẩn của xã, phường; - Các văn bản khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Nội vụ Thành phố (do phòng Nội vụ Thành phố thẩm định).
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
44	TC 6.1 - Thực hiện	Tính điểm theo công thức: (b/a) * 1. Trong đó:	- Báo cáo tình hình thực hiện

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch. b là số tiền đã giải ngân Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,70$ thì điểm đánh giá là 0	và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của địa phương. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố thẩm định). - TLKC khác (nếu có).
45	TC 6.2 - Thực hiện và báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại sở và các đơn vị trực thuộc	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 1 điểm; - Không thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của huyện/thành phố; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố thẩm định).
46	TC 6.3 - Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan	- Nếu trong năm có tiết kiệm được kinh phí, thực hiện tăng thu nhập cho công chức thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Không thực hiện tăng thu nhập thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố thẩm định).
47	TC 6.4 - Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập trực	- Có xây dựng lộ trình thực hiện giải pháp, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 28/3/2018 của UBND Thành phố: 0,5 điểm. - Không ban hành kế hoạch, xây dựng lộ trình thực hiện: 0 điểm.	- Kế hoạch xây dựng lộ trình thực hiện nhiệm vụ giải pháp theo KH số 89/KH-UBND;

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	thuộc do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên sang đơn vị sự nghiệp trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo đảm chi thường xuyên	- Cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì khi tính Chỉ số CCHC, Sở Nội vụ sẽ trừ điểm này ra không tính vào tổng của Chỉ số.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố thẩm định).
48	TTC 6.5 - Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	<p>Thực hiện đúng các quy định theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>- Thực hiện đúng quy định đạt 0,5 điểm. - Có vi phạm vào các quy định trên thì 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo thực hiện các quy định trên; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố (do phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố thẩm định).</p>
VII	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ CHÍNH QUYỀN SỐ		
49	TCTP 7.1.1 - Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	<p>- Thống kê tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) trên địa bàn huyện/thành phố được phát hành trong năm (gọi là VĂN BẢN ĐI).</p> <p>- Thống kê tổng số văn bản đi của các cơ quan được gửi dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là VĂN BẢN ĐIỆN TỬ).</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa tổng số VĂN BẢN ĐIỆN TỬ so với tổng số VĂN BẢN ĐI. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 100% số văn bản trở lên thì điểm đánh giá là 1,5 điểm; + Từ 90% - dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0,5 điểm; + Dưới 90 % số văn bản thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p>	<p>- Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của cơ quan; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định).</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
50	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện đúng theo quy trình xử lý văn bản điện tử. - Thống kê số văn bản đến được xử lý đúng quy trình trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật) trong năm. - Thống kê số văn bản đi được xử lý trên luồng văn bản đến đúng theo quy trình trên môi trường điện tử. - Tính tỷ lệ % giữa văn bản đến với văn bản đi được xử lý trên luồng theo quy trình nội bộ của địa phương trên môi trường điện tử (cụ thể như sau: Văn bản đến, khởi tạo dự thảo văn bản đi, trình dự thảo văn bản đi, ký duyệt văn bản đi, ban hành văn bản đi). Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Trên 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng điểm đánh giá là 1,5 điểm. + Từ 60% - 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ hồ sơ công việc} * 1,5) / 100$. + Dưới 60% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
51	TCTP 7.1.3 - Thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu có tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo điểm đánh giá là 1,0 điểm. - Nếu chưa tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
52	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm mã độc tập trung	<p>Điểm được tính theo công thức: $b/a * \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là số lượng bản quyền mã độc được giao. - b là số lượng máy tính đã cài đặt bản quyền phần mềm mã độc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương; - Tài liệu kiểm chứng khác

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			(nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
53	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số đơn vị có chức năng chứng thực - Thống kê số đơn vị đã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính <p>Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, tính như sau: $(b/a)*0,5$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a là tổng số đơn vị có chức năng chứng thực b là số đơn vị đã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
54	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện có phát sinh DVC trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đang cung cấp trực DVC trực tuyến toàn trình. - Thống kê số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến mức toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến với số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 90% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá là 0,75 điểm. + Từ 80% - dưới 90% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá theo công thức $(Tỷ\ lệ * 0,75) / 100$. + Dưới 80% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>sơ điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ: UBND huyện Tân Hồng + Trong năm 2022 có 10 TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. + Trong 10 TTHC có 8 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình. + Tỷ lệ % số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến là: $(8/10)*100\% = 80\%$. + Như vậy, điểm đánh giá là $(80*1,5)/100 = 1,2$ điểm. 	
55	TCTP 7.2.3 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã có phát sinh DVC trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đang cung cấp trực DVC trực tuyến toàn trình. - Thống kê số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến mức toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến với số TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 90% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá là 0,75 điểm. + Từ 80% - dưới 90% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá theo công thức $(Tỷ\ lệ * 0,75)/100$. + Dưới 80% số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ điểm đánh giá là 0 điểm. - Ví dụ: UBND xã Bình Phú + Trong năm 2022 có 10 TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. + Trong 10 TTHC có 9 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình. + Tỷ lệ % số TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến là: $(9/10)*100\% = 90\%$. + Như vậy, điểm đánh giá là $(90*1,5)/100 = 1,35$ điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
56	TCTP 7.2.4 - Tỷ lệ hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến, trực tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	sơ TTHC thuộc thẩm quyền cấp huyện được xử lý trực tuyến toàn trình	<p>và bưu chính công ích) của TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình của TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và các hình thức khác). Nêu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2,0 điểm; + Từ 20% - dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} \times 2) / 100$ + Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Ví dụ: UBND huyện Tân Hồng + Trong năm, có 10 TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, đã tiếp nhận và xử lý 100 hồ sơ (bao gồm trực tuyến, trực tiếp và các hình thức khác) + Trong 100 hồ sơ này có 20 hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý bằng hình thức trực tuyến toàn trình. + Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến là: $(20/100) \times 100\% = 20\%$. + Như vậy, tỷ lệ này đạt ở khoảng từ 20% - dưới 50% nên điểm đánh giá được tính theo công thức $(20\% \times 2) / 100\% = 0,4$ điểm. 	<p>bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
57	TCTP 7.2.5 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã được xử lý trực tuyến toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến, trực tiếp và bưu chính công ích) của TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. - Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình của TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và các hình thức khác). Nếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Chính quyền số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin của địa phương; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có); - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 2,0 điểm; + Từ 20% - dưới 50% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ} \times 2) / 100$ + Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p>- Ví dụ: UBND xã Bình Phú</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong năm, có 10 TTHC đang cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, đã tiếp nhận và xử lý 100 hồ sơ (bao gồm trực tuyến, trực tiếp và các hình thức khác) + Trong 100 hồ sơ này có 30 hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý bằng hình thức trực tuyến toàn trình. + Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến là: $(30/100) \times 100\% = 30\%$. + Như vậy, tỷ lệ này đạt ở khoảng từ 20% - dưới 50% nên điểm đánh giá được tính theo công thức $(30\% \times 2) / 100\% = 0,6$ điểm. 	<p>tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).</p>
58	TCTP 7.2.6.1 – Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC của cấp huyện còn hiệu lực	<p>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $b/a \times 0,5$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a là tổng số kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực. b là số kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đã được số hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
59	TCTP 7.2.6.2 – Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC	<p>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $b/a \times 0,5$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a là tổng số kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực. b là số kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đã được số hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	của cấp xã còn hiệu lực		Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
60	TCTP 7.2.6.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC có đính kèm kết quả giải quyết TTHC điện tử thuộc thẩm quyền cấp huyện	Điểm đánh giá được tính theo công thức: $b/a*0,5$ điểm Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC được giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC được giải quyết trong năm có đính kèm kết quả giải quyết TTHC điện tử	- Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
61	TCTP 7.2.6.4 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC có đính kèm kết quả giải quyết TTHC điện tử thuộc thẩm quyền cấp xã	Điểm đánh giá được tính theo công thức: $b/a*0,5$ điểm Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC được giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC được giải quyết trong năm có đính kèm kết quả giải quyết TTHC điện tử	- Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
62	TCTP 7.2.6.5 - Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cấp huyện	<p>Thông kê tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC được giao trong năm/hàng năm</p> <p>Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0,5 điểm - Không đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0 - Đối với năm 2022, tính điểm theo công thức: + Tỷ lệ số hóa đã hoàn thành*1. + Không thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
63	TCTP 7.2.6.6 - Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã	<p>Thông kê tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC được giao trong năm/hàng năm</p> <p>Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0,5 điểm - Không đạt tỷ lệ số hóa được giao: 0 điểm - Đối với năm 2022, tính điểm theo công thức: + Tỷ lệ số hóa đã hoàn thành*1. + Không thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố. - Các tài liệu khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng HĐND và UBND Thành phố (do Văn phòng HĐND và UBND Thành phố thẩm định).
64	TCTP 7.2.7.1 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền cấp huyện có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến. - Thống kê số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến. <p>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của Văn phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố. - TLKC khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do Văn phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
65	TCTP 7.2.7.2 – Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến thuộc thẩm quyền cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số hồ sơ đã giải quyết có thanh toán phí của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ thanh toán (bao gồm các hồ sơ thanh toán trực tuyến, trực tiếp và các hình thức khác). - Thống kê số hồ sơ đã giải quyết có thanh toán trực tuyến của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ thanh toán. <p>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết các TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</p> <p>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của phòng Văn hóa và Thông tin - TLKC khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
66	TCTP 7.2.8.1 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến. - Thống kê số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến. <p>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</p> <p>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố. - TLKC khác (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).
67	TCTP 7.2.8.2 – Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến thuộc thẩm quyền cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số hồ sơ đã giải quyết có thanh toán phí, lệ phí của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ thanh toán (bao gồm các hồ sơ thanh toán trực tuyến, trực tiếp và các hình thức khác) đang triển khai thanh toán trực tuyến. - Thống kê số hồ sơ đã giải quyết có thanh toán trực tuyến phí, lệ phí của 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương và kết quả theo dõi của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố. - TLKC khác (nếu có).

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ thanh toán.</p> <p>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến được tính điểm theo công thức: $(b/a)*0,5$.</p> <p>Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết các TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</p> <p>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</p>	<p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố (do phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố thẩm định).</p>
68	TC 8.1 - Mức độ thu hút đầu tư	<p>Nếu tổng số vốn thu hút đầu tư của địa phương trong năm đánh giá tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Nếu không tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>LƯU Ý: Chỉ thống kê số vốn thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước.</p>	<p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm đánh giá;</p> <p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm trước liền kề;</p> <p>- TLKC khác nếu có.</p>
69	TCTP 8.2.1 – Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh gia nhập và tái gia nhập	<p>- Nếu số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh gia nhập và tái gia nhập thị trường tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0,50 điểm</p> <p>- Nếu không tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm đánh giá;</p> <p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm trước liền kề;</p> <p>- TLKC khác nếu có.</p>
70	TCTP 8.2.2 - Số vốn đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh	<p>- Nếu số vốn đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0,50 điểm</p> <p>- Nếu không tăng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0 điểm</p>	<p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm đánh giá;</p> <p>- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa</p>

STT	Lĩnh vực/ TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			phương trong năm trước liền kề; - TLKC khác nếu có.
71	TC 8.3 – Thực hiện thu ngân sách hằng năm của Thành phố	- Nếu giá trị thu ngân sách thuộc nhóm 06 địa phương cao nhất của Thành phố và tăng so với năm trước liền kề: 1,00 - Nếu giá trị thu ngân sách thuộc nhóm 06 địa phương cao nhất của Thành phố hoặc tăng so với năm trước liền kề: 0,50 - Nếu giá trị thu ngân sách không đáp ứng các điều kiện trên thì điểm đánh giá là 0 điểm.	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm đánh giá; - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm trước liền kề; - TLKC khác nếu có.
72	TC 8.4 – Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT – XH do HĐND cùng cấp giao	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1,00 + (c/a)*0,75$. Trong đó: a là tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch. b là số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch. c là số chỉ tiêu KT-XH đạt so với kế hoạch. Nếu tỉ lệ $(b+c)/a < 0,70$ thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm đánh giá; - Các báo cáo khác có chứa thông tin số liệu kiểm chứng. - TLKC khác nếu có.